

Số: /2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước
và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 98/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định phân cấp hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Khối NC-TH;
- Phòng NN-XD (Bn);
- Lưu: VT, TH616/8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bi

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị; khu dân cư nông thôn tập trung; khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, cụm công nghiệp (sau đây gọi chung là khu công nghiệp) trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ về thoát nước và xử lý nước thải được quy định tại Điều 2 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Điều 3 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

2. Mạng lưới thoát nước cấp 1: Bao gồm hệ thống cống, kênh, mương dẫn nước thải, nước mưa xả vào các kênh, mương, sông, ngòi chính có dòng chảy tiêu thoát nước của khu vực hoặc vùng.

3. Mạng lưới thoát nước cấp 2: Bao gồm hệ thống cống dọc các tuyến đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, hồ điều hòa đến hệ thống thoát nước cấp 1.

4. Mạng lưới thoát nước cấp 3: Bao gồm hệ thống cống dọc đường phố tại các tiểu khu, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường, dùng để thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ hoặc nước bề mặt tới mạng lưới thoát nước cấp 1 và cấp 2.

Điều 3. Thành phần hệ thống thoát nước

1. Mạng lưới thoát nước cấp 1, cấp 2 và cấp 3.

2. Điểm đầu nối mà các hộ thoát nước xả nước vào hệ thống thoát nước công cộng, bao gồm các hố kiểm tra và ống đầu nối đến cống cấp 3.

3. Hố ga, cửa thu nước lẻ đường, các giếng tách nước mưa và nước thải (CSO), cống bao, cống áp lực, cống (đập, van) ngăn triều,...

4. Các trạm bơm nước thải, nước mưa và các công liên quan đến trạm bơm.
5. Các hồ điều hòa.
6. Các cửa xả nước mưa hoặc nước thải.
7. Các nhà máy xử lý nước thải tập trung và trạm xử lý nước thải phi tập trung.

Điều 4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Ủy ban nhân dân tỉnh: Là chủ sở hữu đối với các nhà máy xử lý nước thải tập trung (bao gồm trạm bơm, giếng tách dòng... thuộc hệ thống của nhà máy xử lý nước thải) gồm: công trình được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; công trình nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới và các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình hệ thống thoát nước có thời hạn trên địa bàn đô thị có tính chất liên xã, phường. Tùy theo điều kiện thực tế, trong quá trình thực hiện Ủy ban nhân dân tỉnh có thể giao cho Sở Xây dựng, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã làm đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn đô thị có tính chất liên xã, phường do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã): Là chủ sở hữu hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới và các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình hệ thống thoát nước có thời hạn trong phạm vi địa giới hành chính của xã, phường quản lý (trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung: Là chủ sở hữu hệ thống thoát nước thuộc khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao.

4. Các tổ chức, cá nhân: Là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư hoặc đến khi bàn giao cho chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 5. Các hành vi nghiêm cấm

1. Phá hoại hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.
2. Vi phạm các quy định về bảo vệ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.
3. Cản trở việc kiểm tra, thanh tra hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.
4. Không chấp hành các quy định về độ cao nền xây dựng khi tiến hành xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng trong đô thị.
5. Đổ nổi vào hệ thống thoát nước khi không có giấy phép đổ nổi.
6. Xả nước thải vào hệ thống thoát nước hoặc nguồn nước tiếp nhận khi nước thải không đạt quy chuẩn chất lượng xả thải.

7. Pha loãng nước thải để đạt được yêu cầu của quy chuẩn xả thải hoặc đưa chất gây ô nhiễm vào môi trường.

8. Bịt các cửa thu nước hoặc xả các chất không phải là nước mưa hoặc nước thải vào hệ thống thoát nước.

9. Thi công công trình thoát nước và xử lý nước thải trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trái phép.

10. Cung cấp thông tin sai làm ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của các tổ chức, cá nhân khác tham gia các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

11. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây phiền hà, đe dọa các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

12. Các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 6. Nguyên tắc đầu tư phát triển hệ thống thoát nước

1. Tất cả các dự án, công trình thoát nước đều phải được thẩm định, phê duyệt trên cơ sở kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của xã, phường và các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải kết hợp với các công trình hạ tầng khác để sử dụng chung theo quy định.

3. Đồ án quy hoạch, dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, thủy lợi, cấp nước,...) phải bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống thoát nước tại khu vực.

4. Khi cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công trình giao thông có liên quan đến hệ thống thoát nước, chủ đầu tư phải có phương án đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã có trước, bảo đảm thoát nước bình thường và có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi hoặc xây dựng mới đồng bộ các hạng mục công trình thoát nước có liên quan, đảm bảo vệ sinh môi trường trong và sau khi cải tạo, xây dựng; vệ sinh, thông hút sạch sẽ lòng cống, đảm bảo thoát nước trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

5. Sở Xây dựng, sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị được thuê quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án có quyền và nghĩa vụ tham gia giám sát quá trình xây dựng các hạng mục công trình thoát nước thuộc dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan.

Điều 7. Chủ đầu tư công trình thoát nước

1. Đối với công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư thì chủ đầu tư công trình thoát nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14 và các văn bản pháp luật liên quan;

b) Trường hợp do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư thì chủ đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14 và các văn bản pháp luật liên quan;

c) Đối với công trình thoát nước sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư thì chủ đầu tư do các đơn vị đó quyết định theo quy định.

2. Đối với công trình thoát nước sử dụng vốn khác, chủ đầu tư do cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu vốn hoặc vay vốn để đầu tư xây dựng quyết định. Trường hợp sử dụng vốn hỗn hợp, các bên góp vốn thỏa thuận về chủ đầu tư.

3. Công trình thoát nước do cộng đồng đóng góp, chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư do cộng đồng quyết định.

4. Đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), chủ đầu tư là doanh nghiệp do nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước

1. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước được lập cho giai đoạn 05 năm và hàng năm. Nội dung đầu tư phát triển thoát nước bao gồm các giải pháp, phương án đầu tư, phương án kinh tế, phương án kỹ thuật, công việc cụ thể nhằm bảo đảm tiêu thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước phải phù hợp với định hướng phát triển thoát nước, quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước đã được phê duyệt và có sự phối hợp đồng bộ với các địa phương liên quan trong trường hợp có đầu nối với hệ thống thoát nước liền kề.

3. Trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với đơn vị thoát nước lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước hàng năm và giai đoạn 05 năm, gửi về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 11 hàng năm;

b) Trên cơ sở kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của các xã và phường, Sở Xây dựng lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước chung cho toàn tỉnh;

c) Sở Xây dựng chủ trì thẩm định kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của xã, phường và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 9. Dự án đầu tư xây dựng hoặc cải tạo hệ thống thoát nước

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải tuân theo các quy định của Luật Xây

dựng, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan.

2. Tùy theo đặc điểm, quy mô dự án, trong quá trình nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng hoặc cải tạo các hệ thống thoát nước, xử lý nước thải có tính chất tập trung, giải quyết một cách cơ bản các vấn đề thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải của các đô thị, chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức điều tra, khảo sát xã hội học, tham vấn cộng đồng, đánh giá thực trạng mức sống, khả năng và sự sẵn sàng đầu nối, thực hiện nghĩa vụ chi trả giá sử dụng dịch vụ thoát nước của người dân khu vực dự án; đồng thời đảm bảo người dân được biết các thông tin về dự án, chất lượng dịch vụ được hưởng sau khi dự án hoàn thành, tham gia vào quá trình ra quyết định và giám sát thực hiện;

b) Lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ: Ưu tiên sử dụng công nghệ thích hợp, thân thiện với môi trường, phù hợp với đặc thù địa hình, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và có chi phí vận hành, bảo dưỡng thấp;

c) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải được thực hiện đồng bộ từ mạng lưới thoát nước cấp 1, cấp 2, cấp 3 và hộp đấu nối trước hộ thoát nước. Trong trường hợp hạn hẹp về kinh phí đầu tư xây dựng thì phải phân chia giai đoạn đầu tư cụ thể theo lưu vực, khu vực ưu tiên nhưng phải đảm bảo yếu tố đồng bộ, kể cả công trình xử lý bùn thải cho lưu vực được lựa chọn;

d) Phương án thiết kế hệ thống thoát nước phải được kiểm tra bằng phần mềm chuyên dụng về thoát nước. Bản vẽ thiết kế kỹ thuật hệ thống thoát nước phải thể hiện rõ mặt cắt ngang, trắc dọc tuyến, cao độ cụ thể của từng điểm đầu nối... đảm bảo độ dốc thoát nước cho công trình và cho hệ thống thoát nước khu vực xung quanh.

Điều 10. Quản lý dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và các quy định có liên quan, dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải có sự tham gia của đơn vị chủ sở hữu công trình thoát nước để theo dõi và quản lý theo nhiệm vụ được giao tại Quy định này.

Điều 11. Bàn giao công trình thoát nước đô thị đưa vào quản lý, vận hành, khai thác

1. Công trình thoát nước đưa vào quản lý, vận hành, khai thác sử dụng phải được tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình theo đúng quy định hiện hành và được đơn vị chủ sở hữu hệ thống thoát nước theo phân cấp kiểm tra, xác nhận bằng văn bản công trình không có vật cản gây tắc dòng chảy, đảm bảo điều kiện đưa vào vận hành, khai thác sử dụng. Công trình phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình theo đúng quy định hiện hành (nếu có).

2. Khi bàn giao toàn bộ hoặc bộ phận công trình thoát nước, chủ đầu tư phải bàn giao hồ sơ hoàn công công trình với các thành phần sau:

a) Bàn giao cho Sở Xây dựng: Bản vẽ hoàn công, các văn bản pháp lý chính có liên quan, kèm theo đĩa CD hoặc USB ghi nội dung bản vẽ hoàn công;

b) Bàn giao cho đơn vị chủ sở hữu: Toàn bộ hồ sơ hoàn công, bao gồm bản vẽ hoàn công, hồ sơ pháp lý, tài liệu quản lý chất lượng, quy trình quản lý vận hành, bảo trì công trình theo quy định, kèm theo đĩa CD hoặc USB ghi các nội dung hồ sơ hoàn công.

Chương III **QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC** **VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Điều 12. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Các hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) phải ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước với chủ sở hữu hệ thống thoát nước trước khi đầu nối và xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

2. Nội dung cơ bản của hợp đồng dịch vụ thoát nước thực hiện theo Điều 27 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (sau đây viết tắt là Nghị định số 80/2014/NĐ-CP) và Phụ lục 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BXD).

Điều 13. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu và đơn vị thoát nước phải thực hiện ký kết hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo quy định.

2. Nội dung cơ bản của hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thực hiện theo khoản 2 Điều 19 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Phụ lục 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

3. Thời hạn hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước:

a) Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ngắn nhất là 05 (năm) năm và dài nhất là 10 (mười) năm;

b) Trường hợp các bên có nhu cầu kéo dài hợp đồng, trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng ít nhất là 01 (một) năm, các bên phải tiến hành thương thảo, thống nhất việc gia hạn hợp đồng quản lý, vận hành;

c) Hết thời hạn hợp đồng mà một trong hai bên không muốn tiếp tục gia hạn hợp đồng thì chấm dứt hợp đồng theo quy định.

Điều 14. Đầu nối hệ thống thoát nước

1. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải hoặc tại những khu vực đã được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thoát nước là đối tượng bắt buộc phải đầu nối vào hệ thống thoát nước trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đầu nối tại Điều 15 Quy định này và các trường hợp đã tổ chức đầu nối trước ngày 25/10/2018.

2. Trường hợp hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị thì được coi là một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và phải tuân theo các quy định về đầu nối của hệ thống thoát nước.

3. Việc đầu nối của các hộ thoát nước chỉ được thực hiện sau khi có văn bản thỏa thuận giữa chủ sở hữu hệ thống thoát nước và hộ thoát nước. Đối với công trình hiện hữu, thỏa thuận đầu nối là văn bản thỏa thuận giữa chủ sở hữu hệ thống thoát nước và hộ thoát nước về vị trí đầu nối, các yêu cầu kỹ thuật của điểm đầu nối, thời điểm đầu nối, chất lượng, lưu lượng nước xả vào điểm đầu nối. Đối với trường hợp cấp phép xây dựng công trình mới, cơ quan cấp phép xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, chấp thuận việc đầu nối trong giấy phép xây dựng. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước, cơ quan cấp phép xây dựng có trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thi công điểm đầu nối.

Điều 15. Miễn trừ đầu nối

Các trường hợp được miễn trừ đầu nối vào hệ thống thoát nước bao gồm:

1. Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung.

2. Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường và việc đầu nối vào hệ thống thoát chung có thể gây gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (điểm a khoản 2 Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP).

3. Đối với các doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, việc miễn trừ đầu nối được áp dụng theo quy định hiện hành.

Điều 16. Chi phí đầu nối và hỗ trợ đầu nối

1. Chi phí đầu nối, nghĩa vụ tài chính về đầu nối của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và hộ thoát nước:

a) Hộ thoát nước tự chịu chi phí đầu tư xây dựng và quản lý công trình thoát nước thải trong phạm vi công trình, nhà ở thuộc ranh giới đất của mình đến hộp đầu nối;

b) Đơn vị thoát nước có trách nhiệm xác định các điểm đầu nối, xây dựng hộp đầu nối, lắp đặt đầu nối. Chi phí xây dựng điểm đầu nối và lắp đặt đầu nối do chủ sở hữu hệ thống thoát nước chi trả.

2. Chi phí đầu nối gồm các chi phí: Khảo sát, thiết kế, lập dự toán, lắp đặt đường ống, phụ kiện và hoàn trả mặt bằng từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đầu nối.

3. Các dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến cống cấp 3 dẫn tới việc phải đầu nối lại tại các điểm đầu nối đã có từ trước thì chi phí cho việc đầu nối được tính trong dự án đầu tư.

4. Đầu nối mới hoặc cải tạo lại các điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước đã có từ trước thì chi phí đầu nối do các hộ thoát nước tự chịu.

5. Đối tượng được hỗ trợ: Hộ gia đình có công với cách mạng, hộ gia đình nghèo có Giấy chứng nhận hộ nghèo; các hộ gia đình chấp hành và thực hiện đầu nối ngay khi được yêu cầu đầu nối.

6. Phương thức hỗ trợ:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP:

a) Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí lắp đặt từ hộp đầu nối đến vị trí đường cống thoát nước trong phạm vi phần đất của hộ gia đình;

b) Chi phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương, từ các dự án đầu tư, từ nguồn vốn của đơn vị thoát nước, từ nguồn vốn chủ sở hữu hoặc từ các nguồn hợp pháp khác;

c) Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, chủ sở hữu hệ thống thoát nước quyết định phương thức và mức hỗ trợ đầu nối cho các đối tượng cụ thể.

7. Các hộ thoát nước không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều này có trách nhiệm chi trả 100% chi phí để thực hiện đầu nối.

Điều 17. Ngừng dịch vụ thoát nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 18. Quy định về xả nước thải tại điểm đầu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đầu nối.

2. Đối với nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ, đảm bảo chất lượng nước thải theo quy định trước khi xả vào điểm đầu nối và tuân thủ các quy định về đầu nối, thỏa thuận đầu nối.

Điều 19. Quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước

1. Việc quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Nội dung quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Điều 20. Quản lý bùn thải từ bể tự hoại

1. Việc quản lý bùn thải từ bể tự hoại được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Nội dung quản lý bùn thải từ bể tự hoại được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

3. Làm sạch và hút bể tự hoại

a) Các hộ thoát nước trong quá trình sử dụng bể tự hoại tùy theo các thông số thiết kế của bể, có trách nhiệm định kỳ làm sạch và hút cạn bể bằng chi phí của mình;

b) Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn bể tự hoại phải sử dụng các phương tiện chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Đơn vị thoát nước tham gia hỗ trợ về kỹ thuật, giám sát việc thực hiện và điều phối các hoạt động có liên quan nếu được yêu cầu.

Điều 21. Quản lý hệ thống thoát nước mưa

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước mưa, nội dung quản lý bao gồm:

1. Xây dựng quy trình quản lý hệ thống thoát nước mưa bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

2. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, nạo vét, duy tu, bảo dưỡng các tuyến cống, mương, hố ga, cửa thu nước mưa, bảo đảm dòng chảy theo thiết kế.

3. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng các tuyến cống, các công trình thuộc mạng lưới, kịp thời đề xuất với chủ sở hữu phương án thay thế, sửa chữa, phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực (nếu có) với chủ sở hữu.

Điều 22. Quản lý hệ thống hồ điều hòa

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hồ điều hòa, nội dung quản lý bao gồm:

1. Kiểm soát chặt chẽ các hành vi xả nước thải sinh hoạt và nước thải sinh ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ trực tiếp vào hồ điều hòa.

2. Kiểm tra, giám sát việc khai thác, sử dụng hồ điều hòa của các hộ thoát nước đảm bảo tuân thủ các quy định để đảm bảo chức năng điều hòa nước mưa và môi trường; duy trì mực nước ổn định của hồ điều hòa, đảm bảo tốt nhiệm vụ điều hòa nước mưa và các yêu cầu khác.

3. Định kỳ nạo vét đáy hồ, vệ sinh lòng hồ và bờ hồ; xây dựng quy trình quản lý, khai thác, sử dụng hồ điều hòa.

Điều 23. Nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước

Khi tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải thực hiện đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Phải lập kế hoạch cụ thể về thời gian thi công, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và bảo đảm vệ sinh môi trường trước khi tiến hành nạo vét, gửi chủ sở hữu để thống nhất và phối hợp thực hiện.

2. Thực hiện các biện pháp cần thiết như: Đặt tín hiệu, biển báo công trình để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

3. Chất thải nạo vét phải lưu chứa trong thùng kín, không được để rò rỉ ra ngoài và phải được vận chuyển, tập kết đúng nơi quy định. Nghiêm cấm để chất thải qua đêm trên đường phố.

4. Sau khi hoàn thành việc nạo vét, phải tiến hành đập nắp đan, chèn khít mạch hệ thống thoát nước. Không được để miệng cống, hố ga hở qua đêm.

5. Vận chuyển chất thải bằng phương tiện chuyên dùng, không được để chất thải rơi vãi khi lưu thông trên đường giao thông công cộng.

Điều 24. Quy định về xử lý nước thải tập trung, phi tập trung

1. Được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp phải được thu gom vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung.

3. Xử lý nước thải phi tập trung được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

4. Tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp chưa được kết nối hoặc điều kiện thực tế không cho phép kết nối với hệ thống thoát nước tập trung thì cho phép xử lý áp dụng hình thức phi tập trung. Nước thải sau khi xử lý phải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Điều 25. Lựa chọn đơn vị thoát nước

1. Đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, việc lựa chọn đơn vị thoát nước thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định. Trường hợp khu đô thị mới, khu công nghiệp nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, trước khi thực hiện bàn giao phải có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đơn vị thoát nước phải có nhân lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 26. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước thải, nội dung quản lý bao gồm:

a) Định kỳ đánh giá chất lượng công trình đầu mối, kiểm tra độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nối, hố ga và tuyến cống để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo trì cống và công trình trên mạng lưới nhằm bảo đảm khả năng hoạt động liên tục của hệ thống.

b) Thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trong hệ thống phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Thiết lập quy trình quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

d) Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

2. Trong trường hợp mạng lưới thoát nước chung thì việc quản lý hệ thống thoát nước được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và Điều 21 của Quy định này.

Chương IV

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CHO CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ CHO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ VỀ QUẢN LÝ THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 27. Phân công cơ quan chuyên môn quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải

1. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các hoạt động thoát nước, xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh:

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo về công tác lập quy hoạch, đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

b) Chủ trì thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải vùng, quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đô thị;

c) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố bổ sung các định mức, đơn giá dịch vụ thoát nước đô thị, khu công nghiệp còn thiếu hoặc chưa phù hợp trên địa bàn tỉnh để áp dụng;

d) Hướng dẫn các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh (trừ khu công nghiệp); Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan thẩm định kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

đ) Hướng dẫn các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước; chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

e) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ các nguồn vốn khác không thuộc ngân sách nhà nước;

g) Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

h) Thường xuyên phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định về hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo đúng quy định;

i) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh (trừ khu công nghiệp);

k) Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Xây dựng có ý kiến thỏa thuận về mức giá trên cơ sở phương án giá phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm chi phí hợp lý, công khai, minh bạch và chất lượng dịch vụ;

b) Hướng dẫn việc quản lý tài chính, kiểm tra và quyết toán việc sử dụng phí thoát nước theo đúng quy định của Nhà nước;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện công tác quy hoạch, xây dựng các dự án công trình thoát nước và xử lý nước thải theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, phân cấp ngân sách và đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách;

d) Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch vận động, thu hút, điều phối, quản lý nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn hợp pháp khác cho đầu tư phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc xả nước thải, đảm bảo yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống ngập úng và bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra chất lượng nước thải của các tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi;

c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động thoát nước theo phân cấp;

d) Phối hợp với chủ sở hữu công trình thoát nước, đơn vị thoát nước và các cơ quan chức năng có liên quan giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận; tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải vào nguồn tiếp nhận (trừ xả vào hệ thống công trình thủy lợi) đối với các hộ thoát nước được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

đ) Hướng dẫn áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn nước thải xả ra nguồn tiếp nhận.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thẩm định, góp ý về công nghệ xử lý nước thải của các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước đô thị, khu công nghiệp;

b) Ưu tiên bố trí nguồn lực cho việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công nghệ xử lý nước thải và biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt.

5. Công an tỉnh: Phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong quản lý thoát nước đô thị, khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong khu công nghiệp;

b) Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình sở hữu: Lựa chọn đơn vị thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; cấp phép đấu nối cho hệ thoát nước; chỉ đạo đơn vị thoát nước tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước, gửi Sở Xây dựng lấy ý kiến và Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải trong khu công nghiệp;

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong khu công nghiệp;

đ) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trong khu công nghiệp;

e) Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trong khu công nghiệp theo định kỳ hoặc đột xuất về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành khác

Các sở, ban, ngành khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

Điều 28. Trách nhiệm của ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức lập quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng theo phân cấp (trong các đồ án quy hoạch phải có nội dung quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải theo quy định), đầu tư xây dựng phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

2. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình sở hữu: Lựa chọn đơn vị thoát nước, lập giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; cấp phép đấu nối, xả thải cho hệ thoát nước.

3. Phòng có chức năng quản lý xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước trên địa bàn:

a) Cung cấp thông tin về cao độ nền đô thị cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thoát nước;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải; báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Xây dựng khi phát hiện các hành vi vi phạm về hoạt động thoát nước trên địa bàn để xử lý theo quy định.

4. Giám sát, quan trắc, định kỳ phân tích chất lượng nước thải sau xử lý.

5. Báo cáo nội dung công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Chương V

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 29. Quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Lựa chọn, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý, vận hành với đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Giám sát và kiểm tra các hạng mục của hệ thống thoát nước theo định kỳ và đột xuất để đảm bảo tính hiệu quả của các hoạt động quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hợp đồng đã ký.

3. Lập và cung cấp cho đơn vị thoát nước 01 (một) bản danh mục các công trình của hệ thống thoát nước, bản vẽ hoàn công các công trình thoát nước đã được xây dựng (nếu có).

4. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các nội dung và giá trị hợp đồng hàng năm của hợp đồng quản lý, vận hành.

5. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước theo nội dung của hợp đồng quản lý, vận hành.

6. Phê duyệt đúng thời hạn các kế hoạch đầu tư do đơn vị thoát nước lập trong việc sửa chữa lớn, thay thế, phục hồi và mở rộng hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ của hợp đồng quản lý, vận hành.

7. Hỗ trợ đơn vị thoát nước trong việc đấu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

8. Phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức và triển khai các chương trình truyền thông, thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước, chính sách bắt buộc đấu nối và cung

cấp dịch vụ thoát nước, các quy định về giá dịch vụ thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chính sách về giám sát cộng đồng đối với dịch vụ thoát nước.

9. Giải quyết các trường hợp miễn trừ đầu nổi.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau:

a) Hoạt động kinh doanh theo quy định; được thanh toán đúng và đủ chi phí dịch vụ thoát nước theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đã ký kết;

b) Kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chuẩn, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải;

c) Đề xuất các kế hoạch, chương trình cải tạo, mở rộng hệ thống thoát nước; kiến nghị làm chủ đầu tư các công trình xây dựng, cải tạo, thay thế và mở rộng hệ thống thoát nước trong phạm vi quản lý của mình;

d) Báo cáo với chủ sở hữu, các cơ quan liên quan có thẩm quyền xem xét, xử lý các vi phạm của các tổ chức, cá nhân gây thiệt hại đến hoạt động thoát nước.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ sau:

a) Đảm bảo việc cung cấp, duy trì ổn định dịch vụ thoát nước cho các hộ thoát nước về chất lượng và số lượng theo đúng hợp đồng dịch vụ đã ký;

b) Quản lý tài sản, hồ sơ tài sản, thiết lập và lưu trữ cơ sở dữ liệu về hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng; quản lý các hộ thoát nước đầu nổi vào hệ thống thoát nước do mình quản lý;

c) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hoạt động của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, đảm bảo việc thu gom, xử lý và xả nước thải ra môi trường theo đúng quy định về môi trường; sửa chữa kịp thời các sự cố, trục trặc, hư hỏng;

d) Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, phản ánh có liên quan đến dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; giải quyết các khiếu nại về dịch vụ thoát nước, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của hộ thoát nước;

đ) Bảo vệ an toàn, đảm bảo vận hành hiệu quả, tiết kiệm trong quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo quy định;

e) Xác định rõ vị trí của hố kiểm tra và vị trí đầu nổi trong trường hợp giải quyết miễn trừ đầu nổi;

g) Kiểm tra việc xây dựng đúng quy cách đường ống nổi từ nhà ra điểm đầu nổi về cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình;

h) Đơn vị thoát nước theo định kỳ hoặc đột xuất lấy mẫu nước thải tại điểm đầu nổi của hộ thoát nước; kết quả xét nghiệm mẫu nước thải được sử dụng làm cơ sở để xác định và tính giá dịch vụ thoát nước;

i) Trực tiếp thu tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung;

k) Định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất kiểm tra xác định hàm lượng COD (Chemical Oxygen Demand), là lượng oxy cần thiết để oxy hóa các hợp chất hóa học trong nước bao gồm cả vô cơ và hữu cơ;

l) Báo cáo định kỳ dữ liệu về hệ thống thoát nước cho chủ sở hữu và Sở Xây dựng theo quy định.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của hộ thoát nước

1. Quyền và nghĩa vụ của hộ thoát nước:

Thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Hộ thoát nước có các trách nhiệm sau:

a) Tổ chức đầu tư xây dựng toàn bộ đường ống thoát nước, công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến điểm đầu nối và hoàn trả nguyên trạng mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công;

b) Thông báo về thời điểm thi công đầu nối để đơn vị thoát nước kiểm tra, hướng dẫn và giám sát việc xây dựng bảo đảm đầu nối đúng quy định;

c) Tích cực tham gia và hưởng ứng các chương trình tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước;

d) Hộ thoát nước phải tạo điều kiện cho đơn vị thoát nước tiếp cận, kiểm tra các công trình xả nước thải bên trong nhà, khuôn viên và cung cấp các số liệu kỹ thuật khi có yêu cầu.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức thực hiện Quy định này; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp.